

# BÀN VỀ NHỮNG GIÁ TRỊ CỐT LÕI CỦA LUẬT CẠNH TRANH NĂM 2018

TRẦN THỊ NGUYỆT<sup>1)</sup>

**Tóm tắt:** Luật Cạnh tranh năm 2018 thể hiện rõ các quan điểm hoàn thiện khung pháp lý, tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng, lành mạnh cho chủ thể kinh doanh. Giá trị to lớn của đạo luật này là ở chỗ nó đã được xây dựng theo hướng kết hợp chặt chẽ giữa tư duy kinh tế và tư duy pháp lý trong đó nhấn mạnh mục tiêu tăng cường hiệu quả cho công tác thực thi pháp luật. Bài viết triển khai theo logic hình thức của Luật về những giá trị mà Luật đạt được, nhằm cung cấp những luận điểm khoa học nổi bật của đạo luật này; về tính đáp ứng các mục tiêu xây dựng; về những quy định mới có tính đột phá; về sự sửa đổi, khắc phục những điểm hạn chế của Luật Cạnh tranh 2004.

**Từ khóa:** Luật Cạnh tranh; cạnh tranh, luật, mục tiêu luật cạnh tranh; giá trị.

**Abstract:** The 2018 Law of Competition represented efforts to improve the legal framework on competition, facilitating fair and healthy competition among business entities. The great value of this law is that it was built in a way that combines economic thinking and legislative thinking, emphasizing the goal of increasing the efficiency of law enforcement. The paper relied on logical form to evaluate the values, attained goals and innovative regulations achieved by the 2018 Law of Competition and to show how the 2018 law has overcome shortcomings of the 2004 version.

**Keywords:** Law of Competition; competition; law; objective; value.

Ngày nhận bài: 27/12/2019. Ngày sửa bài: 02/01/2020. Ngày duyệt đăng bài: 27/02/2020.

## Mở đầu

Luật Cạnh tranh năm 2018 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa 14 tại kỳ họp thứ 5 đã thông qua ngày 12 tháng 06 năm 2018, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2019, là văn bản pháp luật quan trọng, điều chỉnh mối quan hệ cạnh tranh giữa các chủ thể hoạt động kinh doanh trên thị trường. Luật này là hành lang pháp lý quan trọng giúp tạo lập và duy trì môi trường kinh doanh bình đẳng, lành mạnh, từ đó tạo điều kiện phát triển kinh tế đất nước, phân bổ hiệu quả các nguồn lực xã hội và đảm bảo lợi ích của người tiêu dùng. Luật Cạnh tranh năm 2018 đã có giá trị to lớn, phản ánh đầy đủ các mục tiêu, quan điểm và định hướng cơ bản của Đảng và Nhà nước Việt Nam trong thời kỳ mới.

## 1. Tổng quan về giá trị pháp lý của đạo luật cạnh tranh trong bối cảnh kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng hiện nay

Cạnh tranh và độc quyền là những phạm trù cơ bản gắn liền với nền kinh tế thị trường nên những quy định pháp luật về cạnh tranh và độc quyền khi được ban hành sẽ là những chế định pháp luật quan trọng trong hệ thống pháp luật kinh tế, góp phần xây dựng một hành lang pháp lý đảm bảo cho các quan hệ kinh tế diễn ra lành mạnh, thông thoáng, đạt hiệu quả cao, vừa đảm bảo sự quản lý chặt chẽ của Nhà nước, bảo vệ lợi ích công cộng, quyền và lợi ích hợp pháp của

<sup>1)</sup> Khoa Luật - Trường Đại học Kinh tế quốc dân, Email: nguyettt@neu.edu.vn.

thương nhân trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Việc ban hành Luật Cạnh tranh là sự thể chế hoá, hiện thực và cụ thể hoá một cách nhanh chóng và kịp thời các chủ chương, chính sách của Đảng và Nhà nước, đánh một dấu mốc quan trọng trong tiến trình đổi mới nền kinh tế.

Sự ra đời của Luật Cạnh tranh là dấu mốc quan trọng trong quá trình xây dựng và tạo lập một hành lang pháp lý chính thức và thống nhất cho các hoạt động cạnh tranh của các doanh nghiệp trên thị trường.

Nhìn nhận và đánh giá một cách tổng thể, Luật Cạnh tranh tương đối toàn diện và tiến bộ, gồm cả luật nội dung và luật hình thức, với các chế định được thiết kế phù hợp với hoàn cảnh và các điều kiện kinh tế cụ thể của đất nước và đồng thời phù hợp với xu hướng phát triển chung của pháp luật cạnh tranh thế giới.

Số lượng các vụ việc đã được điều tra, xử lý thể hiện thành công bước đầu trong công tác thực thi. Và điều đó cũng cho thấy Luật Cạnh tranh đã dần đi vào cuộc sống và phát huy tác dụng, là cơ sở điều chỉnh hành vi của doanh nghiệp hướng đến và đảm bảo cạnh tranh công bằng.

Không chỉ đóng góp vào việc phát triển kinh tế trong nước, sự ra đời của Luật Cạnh tranh còn đóng vai trò hết sức quan trọng trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. Sự ra đời của Luật Cạnh tranh năm 2018 cũng là cơ sở để các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền triển khai các hoạt động đàm phán và ký kết các hiệp định song phương và đa phương, khu vực và quốc tế có liên quan đến chính sách và pháp luật cạnh tranh.

## 2. Đánh giá về tình đáp ứng các quan điểm, mục tiêu xây dựng đạo luật cạnh tranh

### 2.1. Những tư tưởng, quan điểm chính trị, kinh tế và tư duy kinh tế thị trường Luật Cạnh tranh đã thể hiện được

Luật Cạnh tranh năm 2018 đã thể hiện rõ các quan điểm xây dựng đạo luật cạnh tranh là tuân thủ và thể chế hoá các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước. Cụ thể, phải hoàn thiện khung pháp lý tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng, lành mạnh cho các tất cả các chủ thể tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp hoạt động kinh doanh trên thị trường, bảo đảm cạnh tranh và kiểm soát độc quyền trong kinh doanh, chống cạnh tranh không lành mạnh và chống hạn chế thương mại; tăng cường kiểm soát các hoạt động mua lại và sáp nhập để phòng ngừa việc hình thành các doanh nghiệp có quyền lực thị trường, qua đó gây tổn hại tới môi trường kinh doanh, môi trường cạnh tranh.

Xuất phát từ vị trí, vai trò của cạnh tranh trong phát triển kinh tế đất nước, Luật Cạnh tranh năm 2018 đã phục vụ tốt cho mục tiêu quan trọng nhất là: *"Tạo lập, duy trì và bảo đảm môi trường cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng giữa các doanh nghiệp trên thị trường, từ đó tăng cường khả năng tiếp cận thị trường, phân bố hiệu quả các nguồn lực, nâng cao hiệu quả kinh tế, phúc lợi xã hội và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng"*.

Luật Cạnh tranh năm 2018 đã được thực hiện theo hướng kết hợp chặt chẽ giữa tư duy kinh tế và tư duy pháp lý trong đó nhấn mạnh mục tiêu tăng cường hiệu quả cho công tác thực thi luật.

Để việc thi hành luật có hiệu quả, Luật Cạnh tranh năm 2018 theo hướng đảm

bảo tính công bằng, minh bạch và khách quan trong toàn bộ quá trình tố tụng. Điều này có nghĩa là tiêu chí công bằng, minh bạch, khách quan cần phải được thể hiện một cách xuyên suốt từ quá trình thụ lý hồ sơ, điều tra cho đến xử lý vụ việc. Có như vậy, doanh nghiệp, người tiêu dùng mới thực sự tin tưởng và vận dụng Luật Cạnh tranh như một công cụ để bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của mình.

Điều chỉnh cách tiếp cận trong công tác quản lý cạnh tranh để đảm bảo khả thi và phù hợp với thống lệ quốc tế, phù hợp với tiến trình hội nhập kinh tế theo hướng ổn định, không phân biệt đối xử, minh bạch và tính trung lập trong cạnh tranh nhằm góp phần thực hiện định hướng phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn mới 2016 - 2020, tầm nhìn 2030 của Đảng và Nhà nước; nâng cao vai trò của Luật Cạnh tranh trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; Kế thừa những quy định của Luật Cạnh tranh năm 2004 đang phát huy hiệu quả trong thực tiễn; Sửa đổi, bổ sung những quy định chưa phù hợp với thực tiễn, điều kiện hội nhập hoặc chưa đồng bộ với pháp luật hiện hành; Dự báo được những nội dung mới trong lĩnh vực cạnh tranh để bảo đảm tính ổn định và lâu dài của Luật.

*2.2 Luật Cạnh tranh năm 2018 đã đạt được tới đa mục tiêu sửa đổi, bổ sung và xây dựng đạo luật cạnh tranh trong bối cảnh mới của đất nước sau gần 15 năm Việt Nam có Luật Cạnh tranh (2004)*

- Các quy định của Luật Cạnh tranh năm 2018 được xây dựng dựa theo mục tiêu xuyên suốt của Luật Cạnh tranh là tạo lập, duy trì và bảo đảm môi trường cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng giữa các doanh nghiệp trên thị trường, từ đó tăng cường khả năng tiếp cận thị trường,

*phân bổ hiệu quả các nguồn lực, nâng cao hiệu quả kinh tế, phúc lợi xã hội và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.*

- Hướng tới xây dựng cơ quan cạnh tranh độc lập và chuyên nghiệp.

- Các quy định điều chỉnh hành vi hạn chế cạnh tranh của Luật Cạnh tranh năm 2018 nhằm mục tiêu đảm bảo tính hợp lý về mặt kinh tế, theo đó phát huy được các tác động tích cực, hạn chế giảm thiểu các tác động phản cạnh tranh của các hành vi kinh doanh trên thị trường. Để đạt được mục tiêu này, Luật Cạnh tranh 2018 đã kết hợp chặt chẽ giữa tư duy kinh tế và tư duy pháp lý trong suốt quá trình xây dựng.

- Các quy định của Luật Cạnh tranh năm 2018 được xây dựng theo hướng đảm bảo bao quát được nhiều dạng thức kinh doanh ngày càng phức tạp của doanh nghiệp trên thị trường.

- Các quy định của Luật Cạnh tranh năm 2018 được xây dựng theo hướng đảm bảo và tăng cường khả năng thực thi thông qua việc: (1) tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp trong việc tuân thủ các quy định của Luật; và (2) tạo điều kiện thuận lợi cho công tác thực thi pháp luật của các cơ quan chức năng.

- Các quy định của Luật Cạnh tranh năm 2018 được xây dựng nhằm đảm bảo sự thống nhất, loại trừ các xung đột, mâu thuẫn với các luật chuyên ngành liên quan đến vấn đề cạnh tranh và phù hợp với các cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

**3. Những giá trị cốt lõi của Luật Cạnh tranh 2018 đã đạt được**

*3.1. Những quy định chung*

*Luật cạnh tranh 2018 đã mở rộng phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng*

*Quy định phạm vi điều chỉnh của Luật*

Cạnh tranh năm 2018 được xác định theo hướng áp dụng đối với cả những hành vi diễn ra bên ngoài lãnh thổ nhưng có ảnh hưởng hoặc gây tổn hại tới môi trường cạnh tranh của Việt Nam.

*Quy định về đối tượng áp dụng* của Luật Cạnh tranh năm 2018 theo hướng mở rộng. Điều 2 đã quy định đối tượng áp dụng bao gồm: Tổ chức, cá nhân kinh doanh (sau đây gọi chung là doanh nghiệp) bao gồm cả doanh nghiệp sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích, doanh nghiệp hoạt động trong các ngành, lĩnh vực thuộc độc quyền nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp nước ngoài hoạt động tại Việt Nam; Hiệp hội ngành, nghề hoạt động tại Việt Nam; Cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài có liên quan.

*Luật cạnh tranh năm 2018 đã hoàn thiện khái niệm “Hành vi hạn chế cạnh tranh” và “Hành vi cạnh tranh không lành mạnh”*

Luật Cạnh tranh năm 2018 đã xem xét và quy định lại nội hàm của khái niệm “Hành vi hạn chế cạnh tranh” và “Hành vi cạnh tranh không lành mạnh”. Trong đó, đặc biệt, Luật Cạnh tranh năm 2018 đã tách tập trung kinh tế ra khỏi nhóm các hành vi hạn chế cạnh tranh để trở thành một trong bốn nhóm quy định trụ cột của Luật Cạnh tranh (thỏa thuận hạn chế cạnh tranh, lạm dụng vị trí thống lĩnh, vị trí độc quyền, tập trung kinh tế và cạnh tranh không lành mạnh). Đồng thời, Luật Cạnh tranh 2018 đã kết hợp với việc sửa đổi cách tiếp cận kiểm soát tập trung kinh tế phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh kinh tế xã hội trong thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng.

*Quy định về xác định thị phần*

Luật Cạnh tranh năm 2018 đã xem xét

bổ sung thêm các tiêu chí để tính toán và xác định thị phần cho phù hợp với thực tiễn sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và không sử dụng thị phần là yếu tố duy nhất giúp đánh giá sức mạnh thị trường của doanh nghiệp.

*Quy định về các hành vi bị cấm đối với cơ quan quản lý nhà nước*

Đối với quy định về các hành vi bị cấm đối với cơ quan quản lý nhà nước, Luật Cạnh tranh năm 2018 tiếp tục phát huy ý nghĩa tích cực và tính tiến bộ của quy định này. Trên cơ sở kinh nghiệm thực tiễn, Luật Cạnh tranh năm 2018 đã bổ sung các dạng hành vi cản trở cạnh tranh khác bị cấm đối với cơ quan quản lý nhà nước. Đồng thời, Luật Cạnh tranh năm 2018 đã có quy định về việc xử lý vi phạm khi các cơ quan quản lý nhà nước có sự vi phạm pháp luật.

*3.2. Quy định về thỏa thuận hạn chế cạnh tranh*

*Quy định cấm đối với thỏa thuận hạn chế cạnh tranh*

Quy định cấm thỏa thuận hạn chế cạnh tranh đã được Luật Cạnh tranh năm 2018 sửa đổi và quy định theo hướng cấm theo nguyên tắc vi phạm mặc nhiên đối với các hành vi thỏa thuận hạn chế cạnh tranh nghiêm trọng (thỏa thuận ấn định giá, phân chia thị trường, kiểm soát sản lượng và thông thầu) và cấm theo nguyên tắc đánh giá tác động hợp lý đối với các dạng hành vi thỏa thuận khác. Theo đó, các thỏa thuận hạn chế cạnh tranh (trừ các thỏa thuận nghiêm trọng) bị cấm khi thỏa thuận đó gây ra tác động hoặc có khả năng gây tác động hạn chế cạnh tranh một cách đáng kể trên thị trường. Có như vậy, việc thực thi các quy định của pháp luật cạnh tranh đối với hành vi thỏa thuận hạn chế cạnh tranh

mới có thể phục vụ tốt cho mục tiêu tạo điều kiện cho nền kinh tế phát triển, đảm bảo môi trường cạnh tranh lành mạnh và qua đó bảo vệ lợi ích của người tiêu dùng.

#### *Quy định chương trình khoan hồng*

Luật Cạnh tranh năm 2018 Điều 112 đã bổ sung các quy định về chương trình khoan hồng để tăng cường hiệu quả thực thi pháp luật cạnh tranh tại Việt Nam giống như pháp luật cạnh tranh các nước khác, theo hướng xây dựng quy định về chương trình khoan hồng trong Luật Cạnh tranh.

Chương trình khoan hồng đã được xây dựng theo hướng kết hợp với việc thiết kế chế tài phạt nặng, đủ tính răn đe để phát huy tác dụng. Một trong những nguyên nhân khiến chương trình khoan hồng thành công hơn, mẫu chốt là ở hình thức và mức độ xử phạt nặng. Khi đứng trước nguy cơ phải đối mặt với các chế tài nghiêm khắc, hình phạt nặng nề do hành vi vi phạm, đồng thời trước quan ngại về nguy cơ bị cơ quan cạnh tranh điều tra, xử lý khi thông tin bị rò rỉ bởi một trong số các doanh nghiệp tham gia thỏa thuận, các doanh nghiệp sẽ có động cơ tự nguyện khai báo, hợp tác với cơ quan điều tra để được hưởng lợi ích từ chương trình khoan hồng.

Quy định về chương trình khoan hồng đã được xây dựng trên nguyên tắc minh bạch, rõ ràng và cụ thể về đối tượng áp dụng, trường hợp được áp dụng, mức độ khoan hồng, các cam kết của doanh nghiệp khi tham gia chương trình khoan hồng. Các yêu tố cần cần nhắc về mức độ cho hưởng khoan hồng đối với doanh nghiệp bao gồm: thời gian vi phạm (từ lúc bắt đầu vi phạm đến lúc thông báo cho cơ quan cạnh tranh); số lượng và mức độ quan trọng của thông tin, chứng cứ cung cấp; vai trò trong việc tổ chức thực hiện

thỏa thuận; mức độ hợp tác với cơ quan cạnh tranh đã được Luật Cạnh tranh 2018 tính đến. Đồng thời, quan tâm đến cơ chế bảo mật thông tin về đối tượng khai báo. Làm được như vậy, chương trình khoan hồng thực sự trở thành một công cụ hữu hiệu giúp đạt hiệu quả thi hành các quy định về thỏa thuận hạn chế cạnh tranh.

#### *3.3. Quy định về lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường, vị trí độc quyền*

##### *Về xác định doanh nghiệp có vị trí thống lĩnh thị trường*

Trên cơ sở lý luận và thực tiễn hiện nay cho thấy cần phải thay đổi cách thức xác định vị trí thống lĩnh thị trường phụ thuộc nhiều vào tiêu chí thị phần như hiện nay. Luật Cạnh tranh năm 2018 đã xây dựng các quy định về khả năng gây hạn chế cạnh tranh một cách đáng kể hiện nay thành hệ thống tiêu chí mới để đánh giá sức mạnh thị trường đáng kể của doanh nghiệp. Việc xây dựng hệ thống các tiêu chí giúp đánh giá sức mạnh thị trường đáng kể của doanh nghiệp (hoặc nhóm doanh nghiệp) được cân nhắc kỹ lưỡng trên cơ sở lý luận, kinh nghiệm quốc tế và thực tiễn kinh doanh tại Việt Nam. Các tiêu chí đã được quy định theo hướng mở, tránh quá bó hẹp để cơ quan cạnh tranh có thể đánh giá, nhận định phù hợp trong các trường hợp cụ thể.

##### *Xác định hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường, vị trí độc quyền*

Luật Cạnh tranh năm 2018 đã đưa ra khái niệm hoặc các tiêu chí xác định hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh, độc quyền. Việc đưa ra được một định nghĩa chung hoặc các tiêu chí rõ, đồng thời dẫn tới việc phân nhóm, liệt kê các hành vi một cách rõ ràng và hợp lý về hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh, độc quyền đã

thể hiện được bản chất, mục tiêu phần cạnh tranh của hành vi. Luật Cạnh tranh năm 2018 đã quy định rõ về hành vi này, nhằm thể hiện được bản chất, mục tiêu của hành vi, tránh được tình trạng bỏ sót hành vi vi phạm hoặc ngược lại, cấm cả những hành vi không có bản chất hạn chế cạnh tranh.

#### 3.4. Quy định về tập trung kinh tế

*Mở rộng phạm vi tập trung kinh tế cần điều chỉnh và thay đổi cách tiếp cận kiểm soát tập trung kinh tế*

Xuất phát từ những chuyển biến nhanh chóng, đa dạng của thực trạng cạnh tranh, bên cạnh các hình thức tập trung kinh tế đã được Luật Cạnh tranh cũ quy định như sáp nhập, hợp nhất, mua lại, liên doanh, còn xuất hiện nhiều thương vụ mua bán doanh nghiệp thông qua mua bán cổ phiếu trên sàn chứng khoán, liên kết thông qua đội ngũ lãnh đạo chung... Ngoài ra, quy định kiểm soát tập trung kinh tế bằng tiêu chí thị phần sẽ không đủ và có thể bỏ sót các trường hợp tập trung kinh tế có khả năng gây hạn chế cạnh tranh cũng như không phản ánh đầy đủ mức độ thay đổi cấu trúc thị trường, tác động của vụ việc tập trung kinh tế đến cạnh tranh. Bên cạnh đó, ngày càng xuất hiện nhiều giao dịch tập trung kinh tế được thực hiện bên ngoài lãnh thổ Việt Nam nhưng vẫn có ảnh hưởng đến cạnh tranh tại thị trường Việt Nam. Luật Cạnh tranh năm 2018 đã:

- Quy định điều chỉnh cả các giao dịch tập trung kinh tế xảy ra bên ngoài lãnh thổ nhưng có ảnh hưởng đến cạnh tranh tại thị trường Việt Nam.

- Sửa đổi quy định về ngưỡng thông báo tập trung kinh tế.

- Thay đổi cơ bản cách tiếp cận kiểm soát tập trung kinh tế, thay vì kiểm soát

một cách máy móc chỉ dựa trên tiêu chí thị phần, thì cần thực hiện đánh giá tác động của tập trung kinh tế dựa trên hệ thống các tiêu chí phù hợp.

#### *Ngưỡng thông báo tập trung kinh tế*

Kinh nghiệm của các quốc gia đã quy định kiểm soát tập trung kinh tế cho thấy, lợi ích từ việc sử dụng tiêu chí thị phần để xác định ngưỡng thông báo tập trung kinh tế không thể bù đắp cho những khó khăn và chi phí mà doanh nghiệp phải gánh chịu. Thực tế, hầu hết các hệ thống kiểm soát tập trung kinh tế sử dụng tiêu chí doanh thu hoặc tổng tài sản để xác định ngưỡng thông báo tập trung kinh tế. Các lợi ích của việc sử dụng tiêu chí doanh thu để xác định ngưỡng thông báo bao gồm:

- Doanh nghiệp dễ dàng cung cấp số liệu về doanh thu của các bên.

- Ngưỡng thông báo theo doanh thu phù hợp với thông lệ quốc tế.

- Cơ quan cạnh tranh, nếu thấy cần thiết để đánh giá tác động tiềm ẩn tới cạnh tranh, sẽ yêu cầu các doanh nghiệp tham gia tập trung kinh tế và các doanh nghiệp hoạt động trên cùng thị trường liên quan cung cấp thêm thông tin. Việc thu thập thông tin về thị trường do cơ quan cạnh tranh thực hiện sẽ hợp lý hơn so với việc yêu cầu doanh nghiệp phải thực hiện.

Vì vậy, thay vì quy định ngưỡng dựa trên thị phần như hiện tại, chúng ta sử dụng các tiêu chí phù hợp hơn như tổng doanh thu, tổng tài sản... làm cơ sở xác định ngưỡng thông báo tập trung kinh tế.

#### *Đánh giá tác động vụ việc tập trung kinh tế*

Mục tiêu của đánh giá tập trung kinh tế là nhằm xác định và ngăn ngừa tác động hạn chế cạnh tranh của vụ việc hoặc

đưa ra các biện pháp khắc phục để vừa đảm bảo hiệu quả kinh tế hoặc quyền lợi người tiêu dùng, vừa hạn chế các tác động phản cạnh tranh của vụ việc. Về phương pháp đánh giá tác động tập trung kinh tế Luật Cạnh tranh năm 2018 đã tính đến các nhân tố sau:

*Một là*, thị phần và các phương pháp đánh giá mức độ tập trung thị trường đóng vai trò quan trọng trong phân tích vụ việc tập trung kinh tế. Đó là những thông tin ban đầu giúp cơ quan cạnh tranh nhận diện khả năng gây quan ngại về cạnh tranh của vụ việc tập trung kinh tế, để từ đó tiến hành các phân tích sâu hơn. Tuy nhiên, cần lưu ý đây không phải là yếu tố quyết định về khả năng gây hạn chế cạnh tranh một cách đáng kể của vụ việc. Các đánh giá cụ thể khác về điều kiện thị trường là cần thiết để đưa ra một nhận định về sức mạnh thị trường.

*Hai là*, Luật Cạnh tranh năm 2018 đã đánh giá khả năng gây tác động hạn chế cạnh tranh và khả năng tạo ra tác động tích cực đối với cạnh tranh của vụ việc tập trung kinh tế.

*Ba là*, Luật Cạnh tranh năm 2018 đã quy định thêm các điều kiện tập trung kinh tế mà doanh nghiệp cần đảm bảo thực hiện đầy đủ thì mới được phép tiến hành tập trung kinh tế.

*Bốn*, Quy định về cạnh tranh không lành mạnh

*Thứ nhất*, Luật Cạnh tranh năm 2018 loại bỏ quy định về hành vi bán hàng đa cấp bất chính và các hành vi đã được điều chỉnh bởi pháp luật chuyên ngành

Luật Cạnh tranh năm 2018 đã loại bỏ các quy định về hoạt động bán hàng đa cấp ra khỏi đạo luật cạnh tranh để đảm bảo tính thống nhất về mục tiêu, phương pháp điều chỉnh của Luật Cạnh tranh,

khắc phục tình trạng nguồn nhân lực của cơ quan cạnh tranh bị phân tán vào những mảng công việc không liên quan đến nhiệm vụ đảm bảo cạnh tranh trên thị trường. Nhóm hành vi bán hàng đa cấp bất chính nên được điều chỉnh bởi một văn bản quy phạm pháp luật về quản lý bán hàng đa cấp với bản chất là tạo nên các giao dịch bất cân xứng và trục lợi từ quan hệ bất cân xứng với người tham gia bán hàng đa cấp. Điều chỉnh này cũng có tác dụng đảm bảo công tác giải quyết các vụ việc bán hàng đa cấp bất chính được thực hiện theo quy trình nhanh chóng, phù hợp hơn, tránh phải đi theo thủ tục tố tụng cạnh tranh kéo dài. Đồng thời, chuyển giao thẩm quyền quản lý hoạt động bán hàng đa cấp bất chính từ cơ quan cạnh tranh hiện nay sang cơ quan chức năng khác có thẩm quyền.

Ngoài ra, để đảm bảo tính thống nhất của hệ thống pháp luật và giải quyết một số mâu thuẫn với pháp luật chuyên ngành, Luật Cạnh tranh năm 2018 đã loại bỏ ra khỏi đạo luật các quy định về các hành vi "Chi dẫn gây nhầm lẫn", "Quảng cáo nhằm cạnh tranh không lành mạnh", "Khuyến mại nhằm cạnh tranh không lành mạnh" đã được quy định điều chỉnh tại Luật Sở hữu trí tuệ và Luật Quảng cáo. Hành vi "Phân biệt đối xử của hiệp hội" cũng đã được xem xét dưới dạng một thỏa thuận hạn chế cạnh tranh hơn là một hành vi cạnh tranh không lành mạnh.

*Thứ hai*, hoàn thiện một số hành vi cụ thể.

Nội dung quy định về hành vi xâm phạm bí mật kinh doanh được điều chỉnh để tránh chồng chéo với Luật Sở hữu trí tuệ. Trong khi Luật Sở hữu trí tuệ quy định về việc bảo hộ đối với bí mật kinh doanh, thì Luật Cạnh tranh với vai trò là một đạo luật bảo vệ cạnh tranh hướng tới

điều chỉnh hành vi tiếp cận, thu thập, tiết lộ, sử dụng một cách bất hợp pháp các thông tin mang tính bí mật trong kinh doanh (phạm vi rộng hơn bí mật kinh doanh). Các hình thức đưa thông tin gian dối hoặc gây nhầm lẫn cho khách hàng nhằm lôi kéo, thu hút khách hàng một cách bất chính vẫn được điều chỉnh bởi Luật Cạnh tranh năm 2018 và được khái quát thành một hành vi cạnh tranh không lành mạnh.

### 3.6. Quy định về trình tự, thủ tục tố tụng cạnh tranh

*Thứ nhất, tách biệt quy trình giải quyết vụ việc cạnh tranh không lành mạnh, vụ việc hạn chế cạnh tranh và vụ việc tập trung kinh tế.* Do đặc trưng riêng của mỗi loại vụ việc cạnh tranh không lành mạnh, cạnh tranh không lành mạnh và hạn chế cạnh tranh, Luật Cạnh tranh năm 2018 đã có quy định khác nhau về thời hạn điều tra cũng như việc xử lý các vụ việc này.

*Thứ hai, về đối tượng có quyền khiếu nại:* Luật Cạnh tranh năm 2018 bổ sung thêm quy định về tố cáo hoặc sửa đổi theo hướng mở rộng chủ thể có quyền khiếu nại / tố cáo, cung cấp thông tin về hành vi có dấu hiệu vi phạm với cơ quan cạnh tranh, không chỉ bao gồm những người có quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm hại trực tiếp, mà còn bao gồm cả những người có quyền và nghĩa vụ liên quan. Đồng thời, không đòi hỏi chủ thể đó phải chứng minh quyền và lợi ích hợp pháp của họ bị xâm hại. Họ có quyền khiếu nại, cung cấp thông tin khi nhận thấy có hành vi vi phạm các quy định của Luật Cạnh tranh. Cơ quan cạnh tranh sẽ xem xét nội dung khiếu nại, tố cáo và quyết định có khởi xướng điều tra hay không tùy thuộc vào điều kiện cụ thể, không bắt buộc phải ban

hành quyết định điều tra mỗi khi có đơn khiếu nại.

*Thứ ba, bỏ quy định về nghĩa vụ chứng minh và nộp tiền tạm ứng chi phí xử lý vụ việc cạnh tranh.* Luật Cạnh tranh năm 2018 phân biệt các mức yêu cầu khác nhau về nghĩa vụ chứng minh đối với từng nhóm đối tượng. Bên khiếu nại: Yêu cầu đối với doanh nghiệp khiếu nại ở mức tối thiểu, chỉ cần cung cấp thông tin về dấu hiệu vi phạm, chứng minh nội dung khiếu nại là có căn cứ và hợp pháp. Người tố cáo hoặc cung cấp thông tin: do đây chỉ là một kênh giúp cơ quan cạnh tranh phát hiện hành vi vi phạm, việc cung cấp chứng cứ không phải là một nghĩa vụ, nên người cung cấp thông tin không có nghĩa vụ chứng minh. Đồng thời, Luật Cạnh tranh 2018 bỏ quy định về nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng chi phí xử lý vụ việc cạnh tranh.

*Thứ tư, về thời hiệu khiếu nại, thời hiệu ra quyết định điều tra:* Luật Cạnh tranh năm 2018 điều chỉnh thời hiệu khiếu nại và thời hiệu ra quyết định điều tra vụ việc cạnh tranh lên 05 năm kể từ ngày hành vi có dấu hiệu vi phạm pháp luật cạnh tranh được thực hiện.

*Thứ năm, về thời hạn điều tra, xử lý vụ việc:* Do những đặc trưng khác nhau của vụ việc cạnh tranh không lành mạnh, cạnh tranh không lành mạnh và hạn chế cạnh tranh nên Luật Cạnh tranh năm 2018 quy định về thời hạn điều tra các nhóm vụ việc này cũng phải khác nhau. Theo đó, các vụ việc hạn chế cạnh tranh do tính chất phức tạp vốn có nên thời hạn điều tra cần kéo dài hơn. Trong khi đó, các vụ việc cạnh tranh không lành mạnh, tập trung kinh tế cần được điều tra trong thời gian ngắn hơn do tính chất đơn giản của vụ việc hoặc để kịp thời đáp ứng yêu



cấu nhanh chóng về thời gian của hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Đồng thời, xem xét quy định về các trường hợp được phép đình chỉ điều tra vụ việc cạnh tranh để rút ngắn thời gian, chi phí giải quyết vụ việc và hạn chế việc khiếu kiện kéo dài ra Tòa án.

*Thứ sáu, việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn hành chính:* Luật Cạnh tranh năm 2018 tạo cơ sở pháp lý chắc chắn để trao thẩm quyền cho cơ quan cạnh tranh chủ động tiến hành các biện pháp ngăn chặn hành chính, đặc biệt là hoạt động khám xét đột xuất trụ sở, nơi làm việc của các tổ chức, cá nhân liên quan, thu giữ tang vật, thông tin, tài liệu liên quan đến vụ việc. Luật Cạnh tranh 2018 năm quy định cơ sở pháp lý để cơ quan cạnh tranh có thể áp dụng các biện pháp ngăn chặn hành chính trong lĩnh vực cạnh tranh như thẩm quyền, trình tự, thủ tục, nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân liên quan, trách nhiệm phối hợp của các cơ quan tư pháp khác, chế tài xử lý vi phạm...

*Thứ bảy, về thẩm quyền và việc xử lý các vụ việc cạnh tranh:* Do những đặc trưng khác nhau, Luật Cạnh tranh năm 2018 có sự tách biệt trong quy định về xử lý vụ việc cạnh tranh không lành mạnh, tập trung kinh tế và hạn chế cạnh tranh. Theo đó, các vụ việc hạn chế cạnh tranh vẫn cần được quyết định xử lý bởi Hội đồng xử lý vụ việc cạnh tranh. Trong khi các vụ việc cạnh tranh không lành mạnh và tập trung kinh tế có thể được quyết định xử lý bởi người đứng đầu cơ quan cạnh tranh với thời gian xử lý ngắn hơn các vụ việc hạn chế cạnh tranh.

*3.7. Về mô hình và địa vị pháp lý của cơ quan cạnh tranh*

Việc lựa chọn mô hình và địa vị pháp lý của cơ quan cạnh tranh là vấn đề quan

trọng và có nhiều quan điểm khác nhau tại các nước trên thế giới. Tuy nhiên, để đảm bảo hiệu quả hoạt động của cơ quan cạnh tranh, xu hướng chung trên thế giới là xây dựng và quy định cho cơ quan cạnh tranh độc lập và có đủ quyền lực. Độc lập không hoàn toàn có nghĩa là phải đứng độc lập, riêng rẽ về mặt tổ chức, không phụ thuộc cơ quan chủ quản nào mà yếu tố cốt lõi là phải độc lập về hoạt động cũng như nhiệm vụ, quyền hạn. Tiếp theo, cơ quan cạnh tranh phải được quy định có đủ thẩm quyền để thực thi nhiệm vụ và được đảm bảo đủ các nguồn lực hoạt động.

Về mô hình cơ quan cạnh tranh, Luật Cạnh tranh năm 2018 đã quy định về một cơ quan cạnh tranh duy nhất chịu trách nhiệm thi hành Luật Cạnh tranh, thực hiện cả nhiệm vụ điều tra và xử lý đối với các vụ việc cạnh tranh. Mô hình một cơ quan thực thi có các ưu điểm làm tinh gọn bộ máy, rút ngắn các thủ tục hành chính giữa hai cơ quan, từ đó có thể rút ngắn quá trình tố tụng, đảm bảo việc giải quyết vụ việc cạnh tranh theo kịp diễn biến của thị trường.

Về địa vị pháp lý của cơ quan cạnh tranh, việc xác định đúng bản chất và địa vị pháp lý của cơ quan cạnh tranh có ý nghĩa quan trọng trong việc quyết định các yếu tố như chức năng, nhiệm vụ... của cơ quan cạnh tranh. Các cơ quan cạnh tranh trên thế giới thường có tính chất lưỡng tính, thể hiện ở chức năng quản lý nhà nước về cạnh tranh và điều tra, phân xử đối với các hành vi vi phạm. Để thực thi nhiệm vụ một cách hiệu quả, truyền thống xây dựng cơ quan cạnh tranh của các nước là phải đảm bảo có sự độc lập cao trong tổ chức và hoạt động. Độc lập trong tổ chức đòi hỏi hạn chế tối đa sự

can thiệp hoặc tác động không mong muốn đến quá trình ra quyết định trong các vụ việc cạnh tranh. Trong bối cảnh hiện tại. Cơ quan cạnh tranh ít nhất phải là một cơ quan thuộc Chính phủ. Điều này sẽ tạo điều kiện tốt hơn cho Cơ quan cạnh tranh trong quá trình thực thi nhiệm vụ. Để đảm bảo tính độc lập, khách quan trong điều tra, xử lý các vụ việc cạnh tranh, cơ quan cạnh tranh không nên trực thuộc bất cứ Bộ chủ quản nào. Cơ quan cạnh tranh là một cơ quan mang tính chất đặc thù, không giống với các Cục, Vụ, Viện khác. Hoạt động của cơ quan cạnh tranh chủ yếu được thể hiện trong hoạt động điều tra và xử lý vụ việc cạnh tranh. Do đó, cơ quan cạnh tranh phải có vị thế đủ mạnh, vị trí độc lập với các cơ quan quản lý nhà nước khác. Vị trí độc lập của cơ quan cạnh tranh sẽ giúp đảm bảo và thúc đẩy việc tập trung chuyên môn, tinh chuyên nghiệp, minh bạch, khả năng chịu trách nhiệm và giải trình của cơ quan này. Một cơ quan cạnh tranh mạnh và hoạt động hiệu quả sẽ tác động tích cực đến nền kinh tế. Ngoài ra, sự lớn mạnh của cơ quan cạnh tranh cũng là một trong các yếu tố để Việt Nam được công nhận có nền kinh tế thị trường và mới đạt được lợi ích trong quá trình hội nhập quốc tế.

Liên quan đến việc xác định vị trí của cơ quan cạnh tranh trong bộ máy nhà nước, Luật Cạnh tranh năm 2018 đã chú ý thực hiện nghiêm túc Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17 tháng 4 năm 2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và Quyết định 2218/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về Kế hoạch của Chính phủ thực hiện Nghị quyết 39-NQ/TW, trong đó chỉ đạo rõ việc “chấm dứt trình trạng đưa các quy định về

tổ chức, bộ máy và biên chế trong các văn bản pháp luật không thuộc lĩnh vực tổ chức nhà nước”. Do vậy, việc quy định tên gọi, bộ máy mới hay vị trí, chức năng của một cơ quan cạnh tranh mới trong Luật Cạnh tranh năm 2018 phù hợp với quan điểm, chủ trương nêu trên.

### Kết luận

Thông qua việc đánh giá tổng quan về giá trị pháp lý của đạo luật cạnh tranh trong bối cảnh kinh tế thị trường và điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng; cùng với sự đánh giá về tính đáp ứng các quan điểm, mục tiêu và triết lý xây dựng đạo luật cạnh tranh, bài viết đã khắc họa những giá trị cốt lõi mà Luật Cạnh tranh năm 2018 đã đạt được. Ngưỡng mong cung cấp một cách nhìn tổng thể về giá trị của đạo luật này. Bài viết có tính chất mở, gợi mở, tác giả rất mong được các ý kiến đóng góp quý báu của các nhà khoa học!

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013;
2. Luật Cạnh tranh năm 2004, 2018;
3. Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17 tháng 4 năm 2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức;
4. Quyết định 2218/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về Kế hoạch của Chính phủ thực hiện Nghị quyết 39-NQ/TW;
5. Bộ Công thương, “Bảo cáo tổng kết 12 năm thi hành Luật Cạnh tranh năm 2004”;
6. Trần Thị Nguyệt, “Bàn về thoả thuận hạn chế cạnh tranh trong Luật Cạnh tranh Việt Nam hiện nay”, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, tháng 8/2008;